

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 18.1.2022

Chỗ Đứng Và Hướng Đi Trong Đời
Kinh Những Hạng Người (Puggalasuttam)
CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ BA (S.i, 93)

Người đời thường quan trọng ý nghĩ “ta là ai?”. Người hiểu lời Phật dạy chú trọng “hạnh nghiệp đang làm qua thân khẩu ý” và sẽ dẫn đi về đâu. Nói cách khác nêu chỉ biết về chỗ đứng hiện tại chưa đủ mà phải hiểu hướng đi dẫn đến đích điểm nào. Bài kinh này cũng ghi lại lời Đức Phật dạy về khả tính chuyển hoá trong kiếp nhân sinh. Con người là kết quả của nghiệp quá khứ nhưng nghiệp quá khứ không an bài tất cả. Những sở hành qua thân khẩu ý trong kiếp hiện tại mới chính điều cần quan tâm vì sẽ tạo nên hướng đi cho mai hậu.



Kinh Văn

Sāvattthinidānam.

Tại Sāvatti.

Atha kho rājā pasenadi kosalo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho rājānaṃ pasenadiṃ kosalaṃ bhagavā etadavoca –

Bấy giờ vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với vua Pasenadi:

“cattārome, mahārāja, puggalā santo saṃvijjamānā lokasmim. Katame cattāro? Tamotamaparāyano, tamojotiparāyano, jotitamaparāyano, jotijotiparāyano”

Này Đại vương, có bốn loại người này hiện hữu ở đời. Bốn hạng người gồm những gì? Hạng người từ chỗ tối hướng đến chỗ tối; hạng người từ chỗ tối hướng đến chỗ sáng; hạng người từ chỗ sáng hướng đến chỗ tối; và hạng người từ chỗ sáng hướng đến chỗ sáng.

“Kathañca, mahārāja puggalo tamotamaparāyano hoti? Idha, mahārāja, ekacco puggalo nīce kule paccājāto hoti, caṇḍālakule vā venakule [veṇakule (sī. syā. kaṃ. pī.)] vā nesādakule vā rathakārakule vā pukkusakule vā dalidde appannapānabhojane kasiravuttike, yattha kasirena ghāsacchādo labbhati. So ca hoti dubbaṇṇo duddasiko okoṭimako bāvābādho [bāvābādho (ka.)] kāṇo vā kuṇī vā khañjo vā pakkhahato vā, na lābhī annassa pānassa vatthassa yānassa mālāgandhavilepanassa seyyāvasathapadīpeyyassa. So kāyena duccharitaṃ carati, vācāya duccharitaṃ carati, manasā duccharitaṃ carati. So kāyena duccharitaṃ caritvā vācāya duccharitaṃ caritvā manasā duccharitaṃ caritvā, kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati. Seyyathāpi, mahārāja, puriso andhakārā vā andhakāraṃ gaccheyya, tamā vā tamaṃ gaccheyya, lohitalamā vā lohitalamaṃ gaccheyya. Tathūpamaṃ, mahārāja, imaṃ puggalaṃ vadāmi. Evaṃ kho, mahārāja, puggalo tamotamaparāyano hoti.

Này Đại vương, thế nào là hạng người từ chỗ tối hướng đến chỗ tối?

Ở đây có người sanh ra trong tầng lớp thấp của xã hội như gia đình chiên đà la, đàn tre, săn bắn, đóng xe, đổ rác nghèo khó kham khổ thiếu thốn ăn mặc, thân tướng xấu xí, còm cõi, bệnh hoạn kinh niên, mù loà bại liệt. Người ấy không có thu nhập được thức ăn, thức uống tốt, vải vóc đủ mặc; không có xe cộ, vòng hoa, hương liệu; những thứ trang điểm; không có đèn đuốc, phòng ốc, nhà cửa tiện nghi.

Người ấy lại làm các ác hạnh với thân, ác hạnh với khẩu, ác hạnh với ý. Với đời sống như vậy thân hoại mạng chung sanh vào cõi khổ, đọa xứ, địa ngục.

Này Đại vương, ví như một người đi từ tối tăm này đến tối tăm khác, hay đi từ hắc ám này đến hắc ám khác, hay từ bản ứ này này đến bản ứ khác. Ta nói ví dụ đó chỉ cho hạng người từ chỗ tối đến chỗ tối

“Kathañca, mahārāja, puggalo tamojotiparāyano hoti? Idha, mahārāja, ekacco puggalo nīce kule paccājāto hoti, caṇḍālakule vā venakule vā nesādakule vā rathakārakule vā pukkusakule vā dalidde appannapānabhojane kasiravuttike, yattha kasirena ghāsacchādo labbhati. So ca kho hoti dubbaṇṇo duddasiko okoṭimako bāvābādho, kāṇo vā kuṇī vā khañjo vā pakkhahato vā, na lābhī annassa pānassa vatthassa yānassa mālāgandhavilepanassa seyyāvasathapadīpeyyassa. So kāyena sucharitaṃ carati, vācāya sucharitaṃ carati, manasā sucharitaṃ carati. So kāyena sucharitaṃ caritvā vācāya sucharitaṃ caritvā manasā sucharitaṃ caritvā, kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati. Seyyathāpi, mahārāja, puriso pathaviyā vā

pallaṅkaṃ āroheyya, pallaṅkā vā assapiṭṭhiṃ āroheyya, assapiṭṭhiyā vā hatthikkhandhaṃ āroheyya, hatthikkhandhā vā pāsādaṃ āroheyya. Tathūpamaṃ, mahārāja, imaṃ puggalaṃ vadāmi. Evaṃ kho, mahārāja, puggalo tamojotiparāyano hoti.

Này Đại vương, thế nào là hạng người từ chỗ tối đến chỗ sáng? Ở đây có người sanh ra trong tầng lớp thấp của xã hội như gia đình chiên đà la, đan tre, săn bắn, đóng xe, đồ rác nghèo khó kham khổ thiếu thốn ăn mặc, thân tướng xấu xí, còm cõi, bệnh hoạn kinh niên, mù loà bại liệt. Người ấy không có thu nhập được thức ăn, thức uống tốt, vải vóc đủ mặc; không có xe cộ, vòng hoa, hương liệu; những thứ trang điểm; không có đèn đuốc, phòng ốc, nhà cửa tiện nghi.

Người ấy lại làm các thiện hạnh với thân, thiện hạnh với khẩu, thiện hạnh với ý. Với đời sống như vậy thân hoại mạng chung sanh vào cõi an lạc, thiên giới.

Này Đại vương, ví như một người từ bùn đất leo lên chiếc cáng, hay từ kiệu leo lên lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo lên thân voi, hay từ thân voi leo lên lầu cao. Với ví dụ này ta muốn chỉ cho người từ chỗ tối đến chỗ sáng.

“Kathaṅca, mahārāja, puggalo jotitamaparāyano hoti? Idha, mahārāja, ekacco puggalo uccē kule paccājāto hoti, khattiyamahāsālakule vā brāhmaṇamahāsālakule vā gahapatimahāsālakule vā, aḍḍhe mahaddhane mahābhoge pahūtajātarūparajate pahūtavittūpakaraṇe pahūtdhanadhaññe. So ca hoti abhirūpo dassanīyo pāsādiko, paramāya vaṇṇapokkharatāya samannāgato, lābhī annassa pānassa vatthassa yānassa mālāgandhavilepanassa seyyāvasathapadīpeyyassa. So kāyena duccharitaṃ carati, vācāya duccharitaṃ carati, manasā duccharitaṃ carati. So kāyena duccharitaṃ caritvā vācāya duccharitaṃ caritvā manasā duccharitaṃ caritvā, kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.

“Seyyathāpi, mahārāja, puriso pāsādā vā hatthikkhandhaṃ oroheyya, hatthikkhandhā vā assapiṭṭhiṃ oroheyya, assapiṭṭhiyā vā pallaṅkaṃ oroheyya, pallaṅkā vā pathaviṃ oroheyya, pathaviyā vā andhakāraṃ paviseyya. Tathūpamaṃ, mahārāja, imaṃ puggalaṃ vadāmi. Evaṃ kho, mahārāja, puggalo jotitamaparāyano hoti.

Này Đại vương, thế nào là hạng người từ chỗ sáng đến chỗ tối?

Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối? Ở đây có số người sanh ra trong gia đình tầng lớp cao như gia đình sát đế lý hào môn, hay trong gia đình Bà-la-môn hào môn, hay trong gia đình gia chủ hào môn có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, nhiều tiền của, ngũ cốc. Người ấy có ngoại hình khả ái, thanh tú, với màu da đẹp, mỹ miều. Người ấy có dư thừa thức ăn, thức uống tốt, vải vóc y phục; xe cộ, vòng hoa, hương liệu; những thứ trang điểm; đèn đuốc, phòng ốc, nhà cửa tiện nghi.

Người ấy lại làm các ác hạnh với thân, ác hạnh với khẩu, ác hạnh với ý. Với đời sống nhưng vậy thân hoại mạng chung sanh vào cõi khổ, đọa xứ, địa ngục.

Ví như một người leo từ lâu cao xuống lưng voi; từ lưng voi xuống lưng ngựa; từ lưng ngựa xuống chiếc cáng, từ chiếc cáng xuống bùn đất. Ta nói ví dụ này chỉ cho người từ chỗ sáng đi đến chỗ tối.

“Kathaṅca, mahārāja, puggalo jotijotiparāyano hoti? Idha, mahārāja, ekacco puggalo ucce kule paccājāto hoti, khattiyamahāsālakule vā brāhmaṇamahāsālakule vā gahapatimahāsālakule vā, aḍḍhe mahaddhane mahābhoge pahūtajātarūparajate pahūtavittūpakaraṇe pahūtadhanadhaññe. So ca hoti abhirūpo dassanīyo pāsādiko, paramāya vaṇṇapokkharatāya samannāgato, lābhī annassa pānassa vatthassa yānassa mālāgandhavilepanassa seyyāvasathapadīpeyyassa. So kāyena sucaritaṃ carati, vācāya sucaritaṃ carati, manasā sucaritaṃ carati. So kāyena sucaritaṃ caritvā vācāya sucaritaṃ caritvā manasā sucaritaṃ caritvā, kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggamaṃ lokamaṃ upapajjati.

Seyyathāpi, mahārāja, puriso pallaṅkā vā pallaṅkaṃ saṅkameyya, assapiṭṭhiyā vā assapiṭṭhiṃ saṅkameyya, hatthikkhandhā vā hatthikkhandhaṃ saṅkameyya, pāsādā vā pāsādaṃ saṅkameyya. Tathūpamāhaṃ, mahārāja, imaṃ puggalaṃ vadāmi. Evaṃ kho, mahārāja, puggalo jotijotiparāyano hoti.

Này Đại vương, thế nào là hạng người từ chỗ sáng đến chỗ sáng?

Ở đây có số người sanh ra trong gia đình tầng lớp cao như gia đình sát đế lý hào môn, hay trong gia đình Bà-la-môn hào môn, hay trong gia đình gia chủ hào môn có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, nhiều tiền của, ngũ cốc. Người ấy có ngoại hình khả ái, thanh tú, với màu da đẹp, mỹ miều. Người ấy có dư thừa thức ăn, thức uống tốt, vải vóc y phục; xe cộ, vòng hoa, hương liệu; những thứ trang điểm; đèn đuốc, phòng ốc, nhà cửa tiện nghi.

Người ấy lại làm các thiện hạnh với thân, thiện hạnh với khẩu, thiện hạnh với ý. Với đời sống như vậy thân hoại mạng chung sanh vào cõi an lạc, thiên giới.

Ví như một người từ chiếc kiệu này bước sang chiếc kiệu khác; từ lưng ngựa này bước sang lưng ngựa khác, từ lưng voi này sang lưng voi khác, từ lâu này bước sang lâu khác. Ta nói ví dụ này chỉ cho người từ chỗ sáng đi tới chỗ sáng.

Ime kho, mahārāja, cattāro puggalā santo saṃvijjamānā lokasmin'ti.

Này Đại vương đó là bốn hạng người có mặt ở đời.

**“Daliddo puriso rāja, assaddho hoti maccharī;
Kadariyo pāpasaṅkappo, micchādiṭṭhi anādarō.
“Samaṇe brāhmaṇe vāpi, aññe vāpi vanibbake;
Akkosati paribhāsati, natthiko hoti rosako.
“Dadamānaṃ nivāreti, yācamānāna bhojanaṃ;
Tādiso puriso rāja, mīyamāno janādhipa;
Upeti nirayaṃ ghoram, tamotamaparāyano.**

Này Đại Vương, ở đời
Có người sống khốn khó
Lại xấu bụng, tà kiến
Keo kiết. thiếu niềm tin
Bất kính và mạ lỵ
Sa môn, bà la môn
Những người tu hành khác
Không cho người ăn xin
Còn cản ngăn bố thí
Khi thân hoại mạng chung
Sanh địa ngục thống khổ
Như vậy chính là người
Từ tới tới chỗ tới

**“Daliddo puriso rāja, saddho hoti amaccharī;
Dadāti seṭṭhasaṅkappo, abyaggamanaso naro.
“Samaṇe brāhmaṇe vāpi, aññe vāpi vanibbake;
Uṭṭhāya abhivādeti, samacariyāya sikkhati.
“Dadamānaṃ na vāreti [na nivāreti (sī.)], yācamānāna bhojanaṃ;
Tādiso puriso rāja, mīyamāno janādhipa;
Upeti tidivaṃ ṭhānaṃ, tamojotiparāyano.**

Này Đại Vương, ở đời
Có người sống khôn khó
Tốt bụng, tâm an định
Biết cho, có niềm tin
Biết cúng kính, chào đón
Sa môn, bà la môn
Những người tu hành khác
Biết huân tu chánh hạnh
Không ngăn cản bố thí
Cho những người xin ăn
Khi thân hoại mạng chung
Sanh lạc cảnh, thiên giới
Như vậy chính là người
Từ tối tới chỗ sáng

**“Aḍḍho ce puriso rāja, assaddho hoti maccharī;
Kadariyo pāpasaṅkappo, micchādiṭṭhi anādarō.
“Samaṇe brāhmaṇe vāpi, aññe vāpi vanibbake;
Akkosati paribhāsati, natthiko hoti rosako.
“Dadamānaṃ nivāreti, yācamānāna bhojanaṃ;
Tādiso puriso rāja, mīyamāno janādhipa;
Upeti nirayaṃ ghoram, jotitamaparāyano.**

Này Đại Vương, ở đời
Có người sống giàu sang
Nhưng xấu bụng, tà kiến
Keo kiết. thiếu niềm tin
Bất kính và mạ lỵ
Sa môn, bà la môn
Những người tu hành khác
Không cho người ăn xin
Còn cản ngăn bố thí
Khi thân hoại mạng chung
Sanh địa ngục thống khổ
Như vậy chính là người
Từ sáng tới chỗ tối

**“Aḍḍho ce puriso rāja, saddho hoti amaccharī;
Dadāti seṭṭhasaṅkappo, abyaggamanaso naro.
“Samaṇe brāhmaṇe vāpi, aññe vāpi vanibbake;**

**Uṭṭhāya abhivādeti, samacariyāya sikkhati.
“Dadamānaṃ na vāreti, yācamānāna bhojanaṃ;
Tādiso puriso rāja, mīyamāno janādhipa;
Upeti tidivaṃ ṭhānaṃ, jotijotiparāyano”ti.**

Này Đại Vương, ở đời
Có người sống giàu sang
Lại tốt bụng, an định
Biết cho, có niềm tin
Biết cúng kính, chào đón
Sa môn, bà la môn
Những người tu hành khác
Biết huân tu chánh hạnh
Không ngăn cản bố thí
Cho những người xin ăn
Khi thân hoại mạng chung
Sanh lạc cảnh, thiên giới
Như vậy chính là người
Từ sáng tới chỗ sáng



Tamotamaparāyano = Hạng người từ chỗ tối hướng đến chỗ tối;

Tamojotiparāyano = Hạng người từ chỗ tối hướng đến chỗ sáng;

Jotitamaparāyano = Hạng người từ chỗ sáng hướng đến chỗ tối;

Jotijotiparāyano = Hạng người từ chỗ sáng hướng đến chỗ sáng.



Thích nghĩa

Chữ parāyana dịch là hướng đến trong hai cụm từ hướng đến chỗ tối (tamoparāyana), hướng đến chỗ sáng (jotiparāyana) bao gồm số hành trong hiện kiếp và lực đẩy đến cảnh giới kiếp sau.

Đức Phật không dạy nên phân biệt giai cấp nhưng Ngài chỉ rõ sự bất hạnh và diễm phúc trong kiếp hiện tại là do nghiệp đã tạo. Và khi Phật dạy “chính hành vi thiện ác khiến người thấp hèn hay cao quý” là một điều khác hoàn toàn với những định kiến về giai cấp xã hội.

*Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-*

1. Puggalasuttam [Mūla]

132. Sāvattthinidānaṃ. Atha kho rājā pasenadi kosalo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho rājānaṃ pasenadiṃ kosalaṃ bhagavā etadavoca – “cattārome, mahārāja, puggalā santo saṃvijjamaṇā lokasmiṃ. Katame cattāro? Tamotamaparāyano, tamojotiparāyano, jotitamaparāyano, jotijotiparāyano”.

“Kathaṅca, mahārāja puggalo tamotamaparāyano hoti? Idha, mahārāja, ekacco puggalo nīce kule paccājāto hoti, caṇḍalakule vā venakule [veṇakule (sī. syā. kaṃ. pī.)] vā nesādakule vā rathakārakule vā pukkusakule vā dalidde appannapānabhojane kasiravuttike, yattha kasirena ghāsacchādo labbhati. So ca hoti dubbaṇṇo duddasiko okoṭimako bāvābādho [bāvābādho (ka.)] kāṇo vā kuṇī vā khaṅjo vā pakkhahato vā, na lābhī annassa pānassa vatthassa yānassa mālāgandhavilepanassa seyyāvasathapadīpeyyassa. So kāyena duccharitaṃ carati, vācāya duccharitaṃ carati, manasā duccharitaṃ carati. So kāyena duccharitaṃ caritvā vācāya duccharitaṃ caritvā manasā duccharitaṃ caritvā, kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.

“Seyyathāpi, mahārāja, puriso andhakārā vā andhakāraṃ gaccheyya, tamā vā tamaṃ gaccheyya, lohitalalā vā lohitalalaṃ gaccheyya. Tathūpamaṃ, mahārāja, imaṃ puggalaṃ vadāmi. Evaṃ kho, mahārāja, puggalo tamotamaparāyano hoti.

“Kathañca, mahārāja, puggalo tamojotiparāyano hoti? Idha, mahārāja, ekacco puggalo nīce kule paccājāto hoti, caṇḍālakule vā venakule vā nesādakule vā rathakārakule vā pukkusakule vā dalidde appannapānabhojane kasiravuttike, yattha kasirena ghāsacchādo labbhati. So ca kho hoti dubbaṇṇo duddasiko okoṭimako bavhābādho, kāṇo vā kuṇī vā khañjo vā pakkhahato vā, na lābhī annassa pānassa vatthassa yānassa mālāgandhavilepanassa seyyāvasathapadīpeyyassa. So kāyena sucariṭaṃ carati, vācāya sucariṭaṃ carati, manasā sucariṭaṃ carati. So kāyena sucariṭaṃ caritvā vācāya sucariṭaṃ caritvā manasā sucariṭaṃ caritvā, kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati.

“Seyyathāpi, mahārāja, puriso pathaviyā vā pallaṅkaṃ āroheyya, pallaṅkā vā assapiṭṭhiṃ āroheyya, assapiṭṭhiyā vā hatthikkhandhaṃ āroheyya, hatthikkhandhā vā pāsādaṃ āroheyya. Tathūpamaṃ, mahārāja, imaṃ puggalaṃ vadāmi. Evaṃ kho, mahārāja, puggalo tamojotiparāyano hoti.

“Kathañca, mahārāja, puggalo jotitamaparāyano hoti? Idha, mahārāja, ekacco puggalo ucce kule paccājāto hoti, khattiyamahāsālakule vā brāhmaṇamahāsālakule vā gahapatimahāsālakule vā, aḍḍhe mahaddhane mahābhoge pahūtajātarūparajate pahūtavittūpakaraṇe pahūtadhanadhañṇe. So ca hoti abhirūpo dassanīyo pāsādiko, paramāya vaṇṇapokkharatāya samannāgato, lābhī annassa pānassa vatthassa yānassa mālāgandhavilepanassa seyyāvasathapadīpeyyassa. So kāyena ducariṭaṃ carati, vācāya ducariṭaṃ carati, manasā ducariṭaṃ carati. So kāyena ducariṭaṃ caritvā vācāya ducariṭaṃ caritvā manasā ducariṭaṃ caritvā, kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.

“Seyyathāpi, mahārāja, puriso pāsādā vā hatthikkhandhaṃ oroheyya, hatthikkhandhā vā assapiṭṭhiṃ oroheyya, assapiṭṭhiyā vā pallaṅkaṃ oroheyya, pallaṅkā vā pathaviṃ oroheyya, pathaviyā vā andhakāraṃ paviseyya. Tathūpamaṃ, mahārāja, imaṃ puggalaṃ vadāmi. Evaṃ kho, mahārāja, puggalo jotitamaparāyano hoti.

“Kathañca, mahārāja, puggalo jotijotiparāyano hoti? Idha, mahārāja, ekacco puggalo ucce kule paccājāto hoti, khattiyamahāsālakule vā brāhmaṇamahāsālakule vā gahapatimahāsālakule vā, aḍḍhe mahaddhane mahābhoge pahūtajātarūparajate pahūtavittūpakaraṇe pahūtadhanadhañṇe. So ca hoti abhirūpo dassanīyo pāsādiko, paramāya vaṇṇapokkharatāya samannāgato, lābhī annassa pānassa vatthassa yānassa mālāgandhavilepanassa seyyāvasathapadīpeyyassa. So kāyena sucariṭaṃ carati, vācāya sucariṭaṃ carati, manasā sucariṭaṃ carati. So kāyena sucariṭaṃ caritvā

vācāya sucaritaṃ caritvā manasā sucaritaṃ caritvā, kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggam lokam upapajjati.

“Seyyathāpi, mahārāja, puriso pallaṅkā vā pallaṅkam saṅkameyya, assapiṭṭhiyā vā assapiṭṭhiṃ saṅkameyya, hatthikkhandhā vā hatthikkhandham saṅkameyya, pāsādā vā pāsadam saṅkameyya. Tathūpamāham, mahārāja, imaṃ puggalam vadāmi. Evaṃ kho, mahārāja, puggalo jotijotiparāyano hoti. Ime kho, mahārāja, cattāro puggalā santo saṃvijjamaṇā lokasmi”nti. Idamavoca...pe...

“Daliddo puriso rāja, assaddho hoti maccharī;
Kadariyo pāpasāṅkappo, micchādiṭṭhi anādarō.

“Samaṇe brāhmaṇe vāpi, aññe vāpi vanibbake;
Akkosati paribhāsati, natthiko hoti rosako.

“Dadamānaṃ nivāreti, yācamānāna bhojanaṃ;
Tādiso puriso rāja, mīyamāno janādhipa;
Upeti nirayaṃ ghoram, tamotamaparāyano.

“Daliddo puriso rāja, saddho hoti amaccharī;
Dadāti setṭhasāṅkappo, abyaggamanaso naro.

“Samaṇe brāhmaṇe vāpi, aññe vāpi vanibbake;
Uṭṭhāya abhivādeti, samacariyāya sikkhati.

“Dadamānaṃ na vāreti [na nivāreti (sī.)], yācamānāna bhojanaṃ;
Tādiso puriso rāja, mīyamāno janādhipa;
Upeti tidivaṃ ṭhānaṃ, tamojotiparāyano.

“Aḍḍho ce [aḍḍho ve (pī. ka.)] puriso rāja, assaddho hoti maccharī;
Kadariyo pāpasāṅkappo, micchādiṭṭhi anādarō.

“Samaṇe brāhmaṇe vāpi, aññe vāpi vanibbake;
Akkosati paribhāsati, natthiko hoti rosako.

“Dadamānaṃ nivāreti, yācamānāna bhojanaṃ;
Tādiso puriso rāja, mīyamāno janādhipa;
Upeti nirayaṃ ghoram, jotitamaparāyano.

“Aḍḍho ce puriso rāja, saddho hoti amaccharī;
Dadāti setṭhasaṅkappo, abyaggamanaso naro.

“Samaṇe brāhmaṇe vāpi, añṇe vāpi vanibbake;
Uṭṭhāya abhivādeti, samacariyāya sikkhati.

“Dadamānaṃ na vāreti, yācamānāna bhojanaṃ;
Tādiso puriso rāja, mīyamāno janādhipa;
Upeti tidivaṃ ṭhānaṃ, jotijotiparāyano”ti.

1. Puggalasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

132. Tatiyavaggassa paṭhame “nīce kule paccājāto”tiādikena tamena yuttoti **tamo**. Kāyaduccaritādīhi puna nirayatamūpagamanato **tamaparāyaṇo**. Iti ubhayenapī khandhatamova kathito hoti. “Ucce kule paccājāto”tiādikena jotinā yuttato **joti**, ālokībhūtoti vuttam hoti. Kāyasucaritādīhi puna saggūpapattijotibhāvūpagamanato **jotiparāyaṇo**. Iminā nayena itarepi dve veditabbā.

Venakuleti vilīvakārakule. **Nesādakuleti** migaluddakādīnaṃ kule. **Rathakārakuleti** cammakārakule. **Pukkusakuleti** pupphachaddakakule. **Kasiravuttiketi** dukkhavuttike. **Dubbaṇṇoti** paṃsupisācako viya jhāmakhāṇuvaṇṇo. **Duddasikoti** vijātamātuyāpi amanāpadassano. **Okotimakoti** lakunḍako. **Kāṇoti** ekakkhikāṇo vā ubhayakkhikāṇo vā. **Kuṇṭi** ekahatthakuṇṭi vā ubhayahatthakuṇṭi vā. **Khaṇṇoti** ekapādakhaṇṇo vā ubhayapādakhaṇṇo vā. **Pakkhahatoti** hatapakkho pīṭhasappī. **Padīpeyyassāti** telakapallakādino padīpaupakaraṇassa. **Evaṃ kho, mahārājāti** ettha eko puggalo bahiddhā ālokaṃ adisvā mātukucchismimyeva kālaṃ katvā apāyesu nibbattanto sakalaṃ kappampi saṃsarati, sopi tamotamaparāyaṇova. So pana kuhakapuggalo bhavye. Kuhakassa hi evarūpā nibbatti hotīti vuttam.

Ettha ca “nīce kule paccājāto hoti caṇḍalakule vā”tiādīhi āgamanavipatti ceva pubbuppannapaccayavipatti ca dassitā. **Daliddeti**ādīhi pavattapaccayavipatti. **Kasiravuttiketi**ādīhi ājīvupāyavipatti. **Dubbaṇṇoti**ādīhi attabhāvavipatti. **Bavhābādhoti**ādīhi dukkhakāraṇasamāyogo. **Na lābhīti**ādīhi sukhakāraṇavipatti ceva upabhogavipatti ca. **Kāyena duccaritanti**ādīhi tamaparāyaṇabhāvassa kāraṇasamāyogo. **Kāyassa bheda**tiādīhi samparāyikatamūpagamo. Sukkapakkho vuttapaṭipakkhanayena veditabbo.

Akkosatīti dasahi akkosavatthūhi akkosati. Paribhāsātīti, ‘‘kasmā tiṭṭhatha? Kim tumhehi amhākaṃ kasikammādāni katānī’’tiādīhi? Paribhavavacanehi paribhāsati. **Rosakoti** ghaṭṭako. **Abyaggamanasoti** ekaggacitto. Paṭhamam.